

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 94/2023/DSPT

Ngày 17 – 02 – 2023

V/v tranh chấp chia di sản thừa kế

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bằng, ông Vũ Văn Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Quỳnh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2022/TLPT-DS ngày 10/11/2022 về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế”. Do có kháng cáo của nguyên đơn bà Vũ Thị Thu H và các bị đơn ông Vũ Quốc K, bà Vũ Thị Thúy T, bà Vũ Thị V đối với Bản án sơ thẩm số 120/2022/DSST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 351/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Thu H, sinh năm 1964; Địa chỉ: Đường Hà Huy T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Trung H1; địa chỉ: Đường Hà Huy T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Vũ Quốc K, sinh năm 1966; địa chỉ: Đường J, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2.2. Bà Vũ Thị Thúy T, sinh năm 1968; địa chỉ: Đường Nguyễn Văn C, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2.3. Bà Vũ Thị Bằng T1, sinh năm 1951; địa chỉ: Đường Hà Huy T, phường TL1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

2.4. Bà Vũ Thị V, sinh năm 1954; địa chỉ: Đường Nguyễn Văn C, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

2.5. Ông Vũ Tiến D, sinh năm 1958; địa chỉ: Đường Hà Huy T, phường TL1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

2.6. Bà Vũ Thị Thanh M, sinh năm 1962; địa chỉ: Đường P, phường TL1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Người có quyền nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Hồ Thị H (vắng mặt) và ông Nguyễn Hữu C (vắng mặt); địa chỉ: Đường Hà Huy T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3.2. Bà Trần Thị M1; địa chỉ: Đường J, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3.3. Anh Nguyễn Nhật T2; địa chỉ: Đường P, phường TL1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3.4. Ông Nguyễn Nhật T3; địa chỉ: Đường P, phường TL1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3.5. Ông Nguyễn Quốc T4; địa chỉ: Đường P, phường TL1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

* **Người kháng cáo:** Nguyên đơn bà Vũ Thị Thu H và các bị đơn ông Vũ Quốc K, bà Vũ Thị Thúy T, bà Vũ Thị V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Vũ Thị Thu H trình bày:**

Cha của bà là Vũ Văn C1, sinh năm 1922, chết ngày 03/11/1985. Mẹ của bà là Nguyễn Thị B, sinh năm 1924, chết ngày 02/8/2009. Bố mẹ của bà chết đều không để lại di chúc. Quá trình chung sống ông C1 và bà B có với nhau 10 người con, gồm:

1. Vũ Thị B1 sinh năm 1946, chết năm 2019, không có chồng con.
2. Vũ Văn T5 sinh năm 1949, chết năm 1972, không có vợ con.
3. Vũ Ngọc A sinh năm 1956, chết năm 1970, không có vợ con.
4. Vũ Thị Băng T1, sinh năm 1951.
5. Vũ Thị V, sinh năm 1954.
6. Vũ Tiến D, sinh năm 1968.
7. Vũ Thị Thanh M, sinh năm 1962.
8. Vũ Thị Thu H, sinh năm 1964.
9. Vũ Quốc K, sinh năm 1966.
10. Vũ Thị Thúy T, sinh năm 1968.

Khi chết di sản mà ông C1 và bà B để lại gồm có:

- Thứ nhất, thửa đất số 23, tờ bản đồ số 6, diện tích 91,6m², tọa lạc tại số 18 đường Nguyễn Văn C, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Thứ hai, lô đất trồng cây ăn quả diện tích trên 1.200m² tọa lạc tại tổ dân phố 7A (nay là Đường Hà Huy T), phường TL1, thành phố B, theo Quyết định số 469/QĐ-UB ngày 03/7/1997 của UBND thành phố B, trên lô đất có căn nhà gỗ

hiện chị T1 và anh D đang ở. Khi bố mẹ qua đời anh chị em thống nhất bán 1 lô đất chia nhau số tiền chuyển nhượng, diện tích còn lại là 1.000m².

Sau khi bố mẹ chết, không để lại di chúc nên nhiều lần bà H đề nghị anh chị em làm văn bản khai nhận di sản thừa kế, cùng đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bố mẹ để lại nhưng các em bà không làm.

Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế theo pháp luật mà bố mẹ bà để lại gồm:

- Thừa đất số 23, tờ bản đồ 6, diện tích 91,6m² tọa lạc tại 18 Nguyễn Văn C, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Lô đất trồng cây ăn trái diện tích hơn 1.000m² tọa lạc tại tổ dân phố 7A theo Quyết định số 469/QĐ-UB ngày 03/7/1997 của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nếu các anh em đồng ý bà chỉ nhận lô đất đường Hà Văn Tập (4x25m) và không lấy các phần còn lại. Nếu anh em không đồng ý thì bà đề nghị chia theo quy định của pháp luật.

*** *Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Vũ Thị Thúy T trình bày:***

- Đối với di sản là nhà đất tại Đường Nguyễn Văn C: Hiện tại nhà còn 3 anh chị không lập gia đình, với tâm nguyện của các anh chị là muốn sinh sống tại chính ngôi nhà của cha mẹ để lại, cùng nhau sinh sống và thờ cúng tổ tiên, ông bà anh chị đã mất. Hiện bà ở tại căn nhà Đường Nguyễn Văn C để tiện cho việc chăm sóc các anh chị kết hợp buôn bán trang trải cuộc sống hằng ngày, chứ hiện tại bà cũng đã có nhà riêng.

- Phần đất 1.000m² tọa lạc tại tổ dân phố 7A, phía nguyên đơn đã khởi kiện là không đúng sự thật. Hiện phần đất khoảng 1.000m² đã có 5 ngôi nhà trên mảnh đất đó và không trồng cây ăn quả nào khác ngoại trừ 1 cây bơ mới trồng. Đất đã được chia trong đó nguyên đơn cũng có phần là 100m² có sơ đồ kèm theo trong đơn trình bày của ông K mà nguyên đơn khai không có phần. Gia đình có họp bàn về việc bán căn nhà ở 529 Phan Chu T nguyên đơn cũng có ký xác nhận trong việc mua bán này đồng thời cũng có nhận 100.000.000 đồng trích từ việc bán căn nhà này. Hiện các anh chị em đã làm nhà trên thửa đất này. Đồng thời anh K lúc bán nhà chị H cũng đã ký xác nhận và có làm chứng là ngôi nhà đó thuộc quyền sở hữu của anh K, chứng tỏ nguyên đơn cũng đồng ý là mảnh đất đã được mẹ chia theo sơ đồ. Mỗi người con trong gia đình đều được mẹ chia 100m² theo sơ đồ nhưng giờ nguyên đơn yêu cầu chia ra Đường Hà Huy T là vô lý, bà hoàn toàn không đồng ý. Anh K là người đứng ra lo cho gia đình, nên đối với lô đất đường Nguyễn Văn C thì phần của bà, bà có nguyện vọng để lại cho anh K. Đối với lô đất Hà Huy T đã được phân chia và bà là người đã xây nhà theo đúng sơ đồ nên đề nghị các anh chị em ai cũng có phần thì giữ nguyên phần hiện trạng của người đó. Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Bị đơn ông Vũ Quốc K trình bày:**

- Đối với căn nhà tại Đường Nguyễn Văn C: Khi cha mất, mẹ và các anh chị ông là người quản lý sử dụng căn nhà lúc còn sống theo di nguyện của mẹ ông, hiện căn nhà này để là nơi thờ cúng tổ tiên ông bà, cha mẹ và 2 anh trong gia đình đã chết đồng thời để lại cho các anh chị không có gia đình ở là chị B1 (đã chết), chị V, chị T1 và anh D. Ông đã lập gia đình và ra ở riêng không ở tại nhà Đường Nguyễn Văn C. Ông đồng ý để căn nhà Đường Nguyễn Văn C cho các anh chị ông ở và thờ cúng theo di nguyện của mẹ để lại. Nay bà H yêu cầu chia thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đối với lô đất trồng cây ăn quả khi mẹ còn sống mẹ ông đã phân chia cho các anh chị em mỗi người 100m² có sơ đồ và sự đồng ý của các anh chị. Bằng chứng là bà T đã làm nhà ở năm 1997, ông K làm nhà năm 2002, ông M làm nhà năm 2010, bà B1 làm nhà năm 2015. Lô đất bà H mẹ ông chia cho 100m² chưa làm nhà là đất liền kề với đất của bà T3 thuộc mặt tiền đường hẻm GP. Nay bà H yêu cầu chia lô đất ở đường Hà Huy T thì không có đất để mà chia, ai cũng có phần của mình.

Hiện trạng như sơ đồ là do mẹ đã chia và chứng minh bằng việc bà T và bà M là người đã làm nhà và ở ổn định từ đó cho đến nay, đồng thời H cũng ký vào văn bản bán đất, tiền bán đất chia đều cho các anh chị em trong gia đình.

Do đó ông không đồng ý chia đối với lô Hà Huy T. Đối với lô đất Nguyễn Văn C thì chia theo quy định của pháp luật.

*** Bị đơn bà Vũ Thị V trình bày:**

- Đối với thửa đất 1000m² đất trồng cây ăn trái mẹ bà đã phân chia cho mỗi người con một lô có diện tích 100m² là đúng, phần được chia của bà thì bà để lại cho cháu là Nguyễn Nhật T2. Sau khi phân chia còn dư khoảng 200m² thì bà đề nghị chia đều cho các anh em theo quy định.

- Đối với thửa đất tại đường Nguyễn Văn C thì bà yêu cầu chia đất, còn tài sản trên đất là của em trai Vũ Quốc K tạo lập nên đề nghị không phân chia tài sản trên đất.

*** Bị đơn bà Vũ Thị Thanh M trình bày:**

Thông nhất về lời khai của nguyên đơn: Bố mẹ của bà là cụ Vũ Văn C1 và Nguyễn Thị B, khi chết không để lại di chúc. Gia đình có 10 anh chị em, chết 3 người còn lại 7 anh chị em như lời trình bày của bà H là đúng.

Về chia di sản của bố mẹ để lại:

- Đối với phần diện tích tọa lạc tại số 18 Nguyễn Văn C, phường TL. Đề nghị Tòa án phân chia theo quy định của pháp luật.

- Đối với lô đất Hà Huy T thì bà không nhớ mẹ có chia bằng văn bản hay không nhưng mẹ bà chỉ lô đất của bà M chỗ cây nhãn và ông T4 là người kéo thước đo cùng ông K để phân chia cho mọi người. Hiện bà được chia lô ở giữa

đường đi nhỏ. Đề nghị Tòa án xem xét mở rộng đường đi chung thuận tiện cho những người sống bên trong như bà.

*** Người có quyền nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc T4:** Thống nhất theo trình bày của bà M. Hiện nay ông T4 và bà M đã được bố mẹ chia cho một phần đất và làm nhà ở ổn định cho đến nay nên ông không có ý kiến gì. Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật và xem xét mở rộng đường đi chung để thuận tiện đi lại cho các hộ dân sống bên trong khi được chia.

*** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 120/2022/DS-ST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 và Điều 634, Điều 688 Bộ luật dân sự

Căn cứ điểm đ khoản 1, khoản 3 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị Thu H.

- Công nhận di sản thừa kế của cụ Vũ Văn C1 và Nguyễn Thị B gồm:

+ Thừa đất số 23, tờ bản đồ số 6, diện tích 91,6m² tọa lạc tại Đường Nguyễn Văn C, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Trị giá 6.000.000.000 đồng;

+ Và lô đất trồng cây ăn quả diện tích trên 1.233.5m² tọa lạc tại tổ dân phố 7A (nay là Đường Hà Huy T), phường TL1, thành phố B, theo Quyết định số 469/QĐ-UB ngày 03/7/1997 của UBND thành phố B. Trị giá đất và tài sản trên đất là 16.243.951.000 đồng.

- Xác định hàng thừa kế thứ nhất của Vũ Văn C1 và cụ Nguyễn Thị B gồm: Vũ Thị Băng T1, Vũ Tiến D, Vũ Thị V, Vũ Thị Thanh M, Vũ Thị Thu H, Vũ Quốc K, Vũ Thị Thúy T, Vũ Thị B1 mỗi người được hưởng 01 kỷ phần bằng nhau.

- Công nhận di chúc ngày 06/10/2015 của bà Vũ Thị B1 để lại phần di sản của bà B1 cho ông Vũ Quốc K.

- Ghi nhận sự tự nguyện nhường quyền hưởng di sản của bà Vũ Thị Thúy T cho anh là ông Vũ Quốc K được quản lý sử dụng đối với phần di sản được hưởng của thửa đất số 23, tờ bản đồ số 6, diện tích 91,6m² tọa lạc tại Đường Nguyễn Văn C, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Công nhận và giao cho ông Vũ Quốc K trực tiếp quản lý và sử dụng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 23, tờ bản đồ số 6, diện tích 91,6m² tọa lạc tại Đường Nguyễn Văn C, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Gắn liền với đất bao gồm: 01 căn nhà cấp 4 được xây

dựng năm 2008, có diện tích 60m² kết cấu móng xây đá hộc tường xây gạch nền lát gạch ceramic, trần đóng tôn lạnh, cửa đi kéo sắt, mái lợp tôn thiếc; 01 căn nhà cấp 3 gồm 2 tầng được xây dựng năm 2016 có diện tích sàn 140m² có kết cấu móng trụ bê tông cốt thép tường xây gạch nền lát gạch ceramic, sàn lầu bê tông cốt thép, mái lợp tôn thiếc. Lô đất có tứ cận:

- + Phía Đông giáp thửa đất số 24
- + Phía Tây giáp đường hẻm 16 Nguyễn Văn C
- + Phía Nam giáp thửa đất số 32
- + Phía Bắc giáp đường Nguyễn Văn C.

Buộc ông Vũ Quốc K có trách nhiệm thanh toán giá trị phần thừa kế được hưởng lại cho bà Vũ Thị Băng T1, bà Vũ Thị V, ông Vũ Tiến D, bà Vũ Thị Thanh M, Vũ Thị Thu H, mỗi người được hưởng một phần bằng nhau là 750.000.000 đồng.

- Công nhận và giao cho ông Vũ Quốc K được quản lý và sử dụng thửa đất có ký hiệu A9 (theo sơ đồ) trị giá 4.000.000.000 đồng. Trên đất hiện trạng đất trống. Có tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp thửa số đất có ký hiệu A8, cạnh dài 25m.
- + Phía Tây giáp phần đất có ký hiệu A10, cạnh dài 25m.
- + Phía Nam giáp đường Hà Huy T, cạnh dài 4m.
- + Phía Bắc giáp thửa đất có ký hiệu A7, cạnh dài 4m.

- Công nhận và giao cho ông Vũ Quốc K quản lý sử dụng thửa đất có ký hiệu A6 (theo sơ đồ) trị giá 575.548.000 đồng. Hiện trạng trên thửa đất có ký hiệu A6 có: 01 căn nhà cấp 4 diện tích 50,5m² có kết cấu móng xây đá hộc, tường xây gạch, nền lát gạch ceramic 400x400, trần đóng tôn lạnh, cửa đi cửa sổ sắt kính, mái lợp tôn thiếc xây dựng năm 2014 và 17 cây chuối. Có tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp thửa đất số 12, 51 (tờ bản đồ 51), cạnh dài 10m.
- + Phía Tây giáp phần đất có ký hiệu A10, cạnh dài 10m.
- + Phía Nam giáp thửa đất có ký hiệu A7, dài 12.16m.
- + Phía Bắc giáp thửa đất có ký hiệu A5, cạnh dài 12.10m.

- Công nhận và giao cho bà Vũ Thị Thúy T nhận quản lý sử dụng thửa đất có ký hiệu A1 (theo sơ đồ) trị giá 2.000.000.000 đồng. Gắn liền với đất có căn nhà cấp 4 diện tích 85,68m², xây dựng năm 2009 có kết cấu móng xây đá hộc, tường xây gạch, nền lát gạch ceramic 400x400, trần đóng tôn lạnh có gác lửng và 01 mái che diện tích 16,8m² cổng tường rào. Có tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp thửa đất số 12,51, (tờ bản đồ 51) cạnh dài 25m.
- + Phía Tây giáp thửa đất có ký hiệu A2, cạnh dài 25m.
- + Phía Nam giáp thửa đất có ký hiệu A4, dài 4m.
- + Phía Bắc giáp đường GP, cạnh dài 4m.

- Công nhận và giao cho bà Vũ Thị Băng T1 nhận quản lý sử dụng thửa đất có ký hiệu A2 (theo sơ đồ) trị giá 2.000.000.000 đồng. Hiện trạng đất trống có 01 cây bơ trên đất. Có tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp thửa đất có ký hiệu A1, cạnh dài 25m.
- + Phía Tây giáp thửa đất có ký hiệu A3, cạnh dài 25m.
- + Phía Nam giáp thửa đất có ký hiệu A4, dài 4m.
- + Phía Bắc giáp đường GP, cạnh dài 4m.

- Công nhận và giao cho bà Vũ Thị V quản lý sử dụng thửa đất có ký hiệu A4 (theo sơ đồ) trị giá 500.000.000 đồng. Hiện trạng trên đất có 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 101m², xây dựng năm 2017 có kết cấu móng xây đá hộc, tường xây gạch, nền lát gạch ceramic 400x400, có gác lửng cửa đi sắt, mái lợp tôn thiếc. Có tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp thửa đất số 12,51, (tờ bản đồ 51) cạnh dài 10m.
- + Phía Tây giáp phần đất có ký hiệu A10, cạnh dài 10m.
- + Phía Nam giáp thửa đất có ký hiệu A5, dài 12.05m.
- + Phía Bắc giáp các thửa đất có ký hiệu A1, A2, A3, cạnh dài 12m.

- Công nhận và giao cho bà Vũ Thị Thanh M quản lý sử dụng thửa đất có ký hiệu A5 (theo sơ đồ) trị giá 500.000.000 đồng. Hiện trạng trên đất căn nhà cấp 4 diện tích (50,5x2) m², có kết cấu móng xây đá hộc, tường xây gạch, nền lát gạch ceramic 500x500, cửa đi sắt kéo, tường xây gạch trần đóng tôn lạnh, có se nô mặt đứng, mái lợp tôn thiếc xây dựng năm 2011. Có tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp thửa đất số 12,51, (tờ bản đồ 51) cạnh dài 10m.
- + Phía Tây giáp phần đất có ký hiệu A10, cạnh dài 10m.
- + Phía Nam giáp thửa đất có ký hiệu A6, dài 12.10m.
- + Phía Bắc giáp thửa đất có ký hiệu A4, cạnh dài 12.05m.

- Công nhận và giao cho ông Vũ Tiến D quản lý sử dụng thửa đất có ký hiệu A7 (theo sơ đồ) trị giá 650.000.000 đồng. Hiện trạng thửa đất có 01 căn nhà gỗ tạm xây dựng từ năm 1986, diện tích 67,51m² có kết cấu xếp đá hộc xung quanh, vách ván bao che, nhà khung gỗ chịu lực, nền lán xi măng, không đóng trần, mái lợp tôn thiếc và 01 nhà vệ sinh diện tích 4,75m².

- + Phía Đông giáp thửa đất số 12,51, (tờ bản đồ 51) cạnh dài 18.29m.
- + Phía Tây giáp phần đất có ký hiệu A10, cạnh dài 12.03m.
- + Phía Nam giáp thửa đất có ký hiệu A8, A9, cạnh dài 4m. Giáp thửa đất có ký hiệu A11, cạnh dài 4.20m
- + Phía Bắc giáp thửa đất có ký hiệu A6, cạnh dài 12.16m.

- Công nhận và giao cho bà Vũ Thị Thu H quản lý sử dụng thửa đất có ký hiệu A8 (theo sơ đồ) trị giá 4.000.000.000 đồng. Hiện trạng đất trống. Có tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp thửa đất có ký hiệu A11, cạnh dài 25m.

- + Phía Tây giáp thửa đất có ký hiệu A9, cạnh dài 25m.
- + Phía Nam giáp đường Hà Huy T, cạnh dài 4.01m.
- + Phía Bắc giáp thửa đất có ký hiệu A7, cạnh dài 4m.

- Công nhận và giao cho bà Vũ Thị Thu H quản lý sử dụng thửa đất có ký hiệu A3 (theo sơ đồ) trị giá 2.000.000.000 đồng. Hiện trạng đất trống. Có tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp thửa đất có ký hiệu A2, cạnh dài 25m.
- + Phía Tây giáp phần đất có ký hiệu A10, cạnh dài 25m.
- + Phía Nam giáp thửa đất có ký hiệu A4, dài 4m.
- + Phía Bắc giáp đường GP, cạnh dài 4m.

Buộc ông Vũ Quốc K có nghĩa vụ bù trừ cho bà Vũ Thị Thúy T số tiền 30.493.000 đồng

Buộc ông Vũ Quốc K có nghĩa vụ bù trừ cho bà Vũ Thị Băng T1 số tiền là 30.493.000 đồng.

Buộc ông Vũ Quốc K có nghĩa vụ bù trừ cho bà Vũ Thị V số tiền là 514.562.000 đồng.

Buộc bà Vũ Thị Thu H có nghĩa vụ bù trừ cho bà Vũ Thị V số tiền là 1.076.917.000 đồng.

Buộc bà Vũ Thị Thu H có nghĩa vụ bù trừ cho bà Vũ Thị Thanh M số tiền là 1.530.493.000 đồng

Buộc bà Vũ Thị Thu H có nghĩa vụ bù trừ cho ông Vũ Tiến D số tiền là 1.362.090.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất được chia nêu trên và thực hiện các nghĩa vụ khi làm thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Dành một phần đất có ký hiệu A10 làm lối đi chung, có diện tích 114m² (theo sơ đồ). Phần đất có tứ cận:

- + Phía Đông giáp thửa đất có ký hiệu A3, A4, A5, A6, A7, A9, cạnh dài 92,03m.
- + Phía Tây giáp thửa đất số 18,72,06,67,85 (tờ bản đồ số 51), cạnh dài 91,94m.
- + Phía Nam giáp đường Hà Huy T, cạnh dài 1.03m.
- + Phía Bắc giáp đường hẻm GP, cạnh dài 1.36m.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

*** Kháng cáo:**

- Ngày 14/9/2022, nguyên đơn bà Vũ Thị Thu H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đối với phần chia di sản thừa kế là lô đất trồng cây ăn quả tọa lạc tại tổ dân phố 7A (nay là Đường Hà Huy T), phường TL1, thành phố B, theo Quyết định số 469/QĐ-UB ngày 03/7/1997 của UBND thành phố B, vì: Việc Tòa án cấp sơ thẩm chia cho bà H 02 thửa đất nông nghiệp A8 và A3 nhưng diện tích 02 thửa này không đủ điều kiện tách thửa theo quy định của pháp luật nên dẫn đến Bản án không thể thi hành trên thực tế. Ngoài ra, bà H không có nhu cầu nhận đất nên đề nghị Tòa án phân chia cho bà H phần giá trị theo kỹ phần thừa kế mà H được hưởng.

Tại đơn thay đổi một phần nội dung đơn kháng cáo ngày 15/02/2023 của bà Vũ Thị Thu H đề nghị Toà án cấp phúc thẩm công nhận quyền sử dụng chung của bà Vũ Thị Thu H cùng những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất đối với quyền sử dụng lô đất trồng cây ăn quả tọa lạc tại tổ dân phố 7A (nay là Đường Hà Huy T), phường TL1, thành phố B.

- Ngày 14/9/2022, các bị đơn ông Vũ Quốc K, bà Vũ Thị Thúy T và bà Vũ Thị V kháng cáo một phần bản án sơ thẩm và cho rằng quyết định của Bản án sơ thẩm phân chia di sản thừa kế là lô đất trồng cây ăn quả tọa lạc tại tổ dân phố 7A (nay là Đường Hà Huy T), phường TL1, thành phố B, theo Quyết định số 469/QĐ-UB ngày 03/7/1997 của UBND thành phố B là chưa phù hợp nên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại vì Toà án đã chia lô đất có ký hiệu A3 cho bà H nhưng lại tiếp tục chia lô đất có ký hiệu A8 cho bà H, trong khi đó lô đất có ký hiệu A8 theo tâm nguyện của cụ bà Nguyễn Thị B là chia cho ông Vũ Tiến D. Trong khi đó, ông K phải đứng ra chăm sóc, chu cấp tài chính cho các anh chị không lập gia đình đã già, yếu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn thay đổi một phần nội dung đơn kháng cáo ngày 15/02/2023; các bị đơn ông Vũ Quốc K, bà Vũ Thị Thúy T và bà Vũ Thị V giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Vũ Thị Thu H và các bị đơn ông Vũ Quốc K, bà Vũ Thị Túy Trang đối với quyết định phân chia di sản thừa kế là lô đất trồng cây ăn quả tọa lạc tại tổ dân phố 7A (nay là Đường Hà Huy T), phường TL1, thành phố B, theo Quyết định số 469/QĐ-UB ngày 03/7/1997 của UBND thành phố B, trong đó: Bà H yêu cầu công nhận quyền sử dụng chung của

bà Vũ Thị Thu H cùng những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất đối với quyền sử dụng lô đất trồng cây ăn quả nêu trên; bị đơn ông K và bà T kháng cáo với nội dung đề nghị chia lô đất có ký hiệu A8 cho ông Vũ Tiến D theo tâm nguyện của cụ B, thì thấy rằng: Việc Toà án cấp sơ thẩm phân chia di sản thừa kế là lô đất trồng cây ăn quả tọa lạc tại tổ dân phố 7A (nay là Đường Hà Huy T), phường TL1, thành phố B, theo Quyết định số 469/QĐ-UB ngày 03/7/1997 của UBND thành phố B bằng hiện vật và chia thành 09 thừa cho các đồng thừa kế, với diện tích mỗi thừa đều dưới 500m² là trái theo quy định tại Điều 11 Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Do đó, kháng cáo của bà H, ông K, bà T về việc yêu cầu phân chia lại di sản thừa kế là lô đất trồng cây ăn quả tọa lạc tại tổ dân phố 7A (nay là Đường Hà Huy T), phường TL1, thành phố B, theo Quyết định số 469/QĐ-UB ngày 03/7/1997 của UBND thành phố B là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà H và ông K, bà T để sửa Bản án sơ thẩm theo hướng công nhận quyền sử dụng chung của các đồng thừa kế đối với di sản thừa kế nêu trên.

Đối với bà Vũ Thị V, mặc dù đã được Toà án triệu tập họp lệ tham gia phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do thì coi như từ bỏ quyền kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định khoản 3 Điều 296; khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Vũ Thị V.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Vũ Thị Thu H và 03 bị đơn ông Vũ Quốc K, bà Vũ Thị Thúy T và bà Vũ Thị V được nộp trong thời hạn luật định và đóng tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật, bà V thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí nên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về sự có mặt của người kháng cáo: Mặc dù đã được Toà án triệu tập họp lệ tham gia phiên toà lần thứ hai nhưng bà Vũ Thị V vẫn vắng mặt không có lý do thì coi như từ bỏ quyền kháng cáo. Do đó, căn cứ quy định khoản 3 Điều 296; khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Vũ Thị V.

[2] Cụ ông Vũ Văn C1, sinh năm 1922 và cụ bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1924 có với nhau 10 người con gồm:

- Bà Vũ Thị B1, sinh năm 1946, chết năm 2019; không có chồng con.
- Ông Vũ Văn T5, sinh năm 1949, chết năm 1972; không có vợ con.
- Ông Vũ Ngọc A, sinh năm 1956, chết năm 1970; không có vợ con.
- Bà Vũ Thị Băng T1, sinh năm 1951.

- Bà Vũ Thị V, sinh năm 1954.
- Ông Vũ Tiến D, sinh năm 1958.
- Bà Vũ Thị Thanh M, sinh năm 1962.
- Bà Vũ Thị Thu H, sinh năm 1964.
- Ông Vũ Quốc K, sinh năm 1966.
- Bà Vũ Thị Thúy T, sinh năm 1968.

Ngày 03/11/1985, cụ ông Vũ Văn C1 chết không để lại di chúc. Ngày 24/8/2009, cụ bà Nguyễn Thị B chết không để lại di chúc.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập lưu trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, xác định được di sản thừa kế của cụ ông Vũ Văn C1 và cụ bà Nguyễn Thị B để lại gồm có:

Một là, thửa đất số 23, tờ bản đồ số 6, diện tích 91,6m² tọa lạc tại Đường Nguyễn Văn C, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Hai là, lô đất trồng cây ăn quả diện tích trên 1.233.5m² tọa lạc tại tổ dân phố 7A (nay là Đường Hà Huy T), phường TL1, thành phố B, theo Quyết định số 469/QĐ-UB ngày 03/7/1997 của UBND thành phố B.

Do cụ ông Vũ Văn C1 và cụ bà Nguyễn Thị B chết không để lại di chúc và di sản thừa kế của 2 cụ chưa được phân chia nên nguyên đơn bà Vũ Thị Thu H khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ C1 và cụ B là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với ông Vũ Văn T5 (chết năm 1972) và ông Vũ Ngọc A (chết năm 1970), đều chết trước cụ ông Vũ Văn C1 và cụ bà Nguyễn Thị B nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 613 Bộ luật dân sự để xác định ông T5 và ông A không phải là người thừa kế của cụ C1 và cụ B là phù hợp.

Đối với bà Vũ Thị B1 không có chồng con, đã chết năm 2019 (chết sau cụ C1 và cụ B). Trước khi chết vào ngày 06/10/2015, bà B1 có để lại di chúc bằng văn bản có người làm chứng là bà Nguyễn Thị P và Nguyễn Thị L. Tại biên bản lấy lời khai 2 người làm chứng bà P và bà L xác nhận đúng chữ ký và điểm chỉ là của bà Vũ Thị B1, do năm 2015 bà B1 tay run không tự viết được nên nhờ cháu viết và có nhờ 2 bà làm người làm chứng thể hiện ý chí nguyện vọng của bà B1 để lại toàn bộ di sản thừa kế cho em trai là ông Vũ Quốc K. Tại phiên tòa nguyên đơn bà H, bị đơn bà T và bà M, ông K đều không ai có ý kiến gì đối với bản di chúc của bà B1. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 634 Bộ luật dân sự công nhận bản di chúc ngày 06/10/2015 của bà Vũ Thị B1, phần di sản của bà B1 được hưởng được chia cho ông Vũ Quốc K là phù hợp.

[3] Xét nội dung phân chia di sản thừa kế của cụ C1 và cụ B, thấy rằng:

[3.1] Đối với di sản là thửa đất số 23, tờ bản đồ số 6, diện tích 91,6m² tọa lạc tại Đường Nguyễn Văn C, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk:

Bản án sơ thẩm đã công nhận và giao cho ông Vũ Quốc K trực tiếp quản lý và sử dụng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 23, tờ bản đồ số 6, diện tích 91,6m² tọa lạc tại Đường Nguyễn Văn C, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tài sản trên đất gồm có: 01 căn nhà cấp 4 được xây dựng năm 2008; 01 căn nhà cấp 3 gồm 2 tầng được xây dựng năm 2016 có diện tích sàn 140m². Đồng thời, buộc ông Vũ Quốc K có trách nhiệm thanh toán giá trị phần thừa kế được hưởng lại cho bà Vũ Thị Bằng T1, bà Vũ Thị V, ông Vũ Tiến D, bà Vũ Thị Thanh M, Vũ Thị Thu H, mỗi người được hưởng một phần bằng nhau là 750.000.000 đồng.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm liên quan đến việc chia di sản này. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[3.2] Đối với di sản là lô đất trồng cây ăn quả tọa lạc tại tổ dân phố 7A (nay là Đường Hà Huy T), phường TL1, thành phố B, theo Quyết định số 469/QĐ-UB ngày 03/7/1997 của UBND thành phố B. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo Quyết định số 469/QĐ-UB ngày 03/7/1997 của UBND thành phố B về việc giao đất sản xuất nông nghiệp thì UBND thành phố B đã giao đất cho hộ bà Nguyễn Thị B với diện tích là 1.264,3m², mục đích sử dụng là trồng cây ăn quả. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều xác định, sau khi cụ C1 và cụ B chết thì các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ C1 và cụ B đã thoả thuận và thống nhất chuyển nhượng một phần diện tích đất là 84m² cho ông Nguyễn Hữu C và bà Hồ Thị H.

Toà án cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế nêu trên bằng hiện vật và chia thành 09 thửa được ký hiệu từ A1 đến A9 với diện tích mỗi thửa đều dưới 500m² cho các đồng thừa kế và mở lối đi chung thửa đất ký hiệu A10 là chưa bảo đảm về điều kiện tách thửa theo quy định tại Điều 11 Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành quy định hạn mức một số loại đất; kích thước, diện tích đất tối thiểu được phép tách thửa cho hộ gia đình, cá nhân; việc rà soát, công bố công khai các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Mặc dù, theo quy hoạch kế hoạch sử dụng đất của Ủy ban nhân dân thành phố B thì thửa đất nêu trên được quy hoạch là đất ở đô thị nhưng người sử dụng đất phải thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất thì sau đó mới thực hiện được thủ tục tách thửa. Mặt khác, cấp sơ thẩm định giá và xác định giá trị đất là đất ở theo giá thị trường để buộc các đương sự phải thanh toán tiền chênh lệch cho các đồng thừa kế khác và chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo giá đất ở, trong khi diện tích mà những người thừa kế được chia là đất nông nghiệp là chưa phù hợp, dẫn đến việc không thể thi hành án được.

Do đó, kháng cáo của nguyên đơn bà Vũ Thị Thu H đề nghị Toà án cấp phúc thẩm công nhận quyền sử dụng chung của các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế

thứ nhất (gồm: Bà Vũ Thị Băng T1, bà Vũ Thị V, ông Vũ Tiến D, bà Vũ Thị Thanh M, bà Vũ Thị Thu H, ông Vũ Quốc K, bà Vũ Thị Thúy T) đối với di sản thừa kế là lô đất trồng cây ăn quả tọa lạc tại tổ dân phố 7A (nay là Đường Hà Huy T), phường TL1, thành phố B theo Quyết định số 469/QĐ-UB ngày 03/7/1997 của UBND thành phố B và kháng cáo của các bị đơn ông Vũ Quốc K, bà Vũ Thị Thúy T đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại việc chia di sản thừa kế này là có căn cứ. Vì vậy, cần sửa một phần bản án sơ thẩm để công nhận diện tích đất nông nghiệp diện tích tọa lạc tại tổ dân phố 7A (nay là Đường Hà Huy T), phường TL1, thành phố B, theo Quyết định số 469/QĐ-UB ngày 03/7/1997 của UBND thành phố B thực tế thuộc quyền sử dụng chung của các đồng thừa kế gồm: Bà Vũ Thị Băng T1, bà Vũ Thị V, ông Vũ Tiến D, bà Vũ Thị Thanh M, bà Vũ Thị Thu H, ông Vũ Quốc K, bà Vũ Thị Thúy T.

Về tài sản trên đất các đương sự không có yêu cầu và không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:** Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên cần sửa lại án phí cho phù hợp. Cụ thể:

- Bị đơn ông Vũ Quốc K, bà Vũ Thị Thúy T phải chịu mỗi người 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

- Bà Vũ Thị Thúy T phải chịu 37.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần di sản thừa kế được hưởng, theo cách tính: 20.000.000 đồng + 4%(750.000.000 đồng – 400.000.000đồng).

- Ông Vũ Quốc K phải chịu 77.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần di sản thừa kế được hưởng, theo cách tính: 72.000.000đồng + 2%(2.250.000.000 đồng – 2.000.000.000đồng).

- Bà Vũ Thị Thu H phải chịu 37.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần di sản thừa kế được hưởng, theo cách tính: 20.000.000 đồng + 4%(750.000.000 đồng – 400.000.000đồng).

- Các ông bà Vũ Thị Băng T1, bà Vũ Thị V, ông Vũ Tiến D, bà Vũ Thị Thanh M là **người cao tuổi** nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Từ những phân tích nhận định trên Hội đồng xét xử cần chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Vũ Thị Thu H và các bị đơn ông Vũ Quốc K, bà Vũ Thị Thúy T để sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định nêu trên.

* Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Vũ Thị Thu H, ông Vũ Quốc K, bà Vũ Thị Thúy T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà H, ông K, bà T mỗi người 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309; khoản 3 Điều 296; khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với đơn kháng cáo của bà Vũ Thị V.
- Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Vũ Thị Thu H, các bị đơn ông Vũ Quốc K, bà Vũ Thị Thúy T và bà Vũ Thị V – Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 120/2022/DS-ST ngày 30/8/2022 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 và Điều 634, Điều 688 Bộ luật dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1, khoản 3 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị Thu H về việc phân chia di sản thừa kế của cụ ông Vũ Văn C1 và cụ bà Nguyễn Thị B theo quy định của pháp luật.

- Thừa đất số 23, tờ bản đồ số 6, diện tích 91,6m² tọa lạc tại Đường Nguyễn Văn C, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Lô đất trồng cây ăn quả tọa lạc tại tổ dân phố 7A (nay là Đường Hà Huy T), phường TL1, thành phố B, theo Quyết định số 469/QĐ-UB ngày 03/7/1997 của Ủy ban nhân dân thành phố B.

2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ ông Vũ Văn C1 và cụ bà Nguyễn Thị B gồm: Bà Vũ Thị Băng T1, ông Vũ Tiến D, bà Vũ Thị V, bà Vũ Thị Thanh M, bà Vũ Thị Thu H, ông Vũ Quốc K, bà Vũ Thị Thúy T và bà Vũ Thị B1 mỗi người được hưởng 01 kỷ phần bằng nhau.

3. Phân chia di sản thừa kế như sau:

3.1. Đối với di sản thừa kế là quyền sử dụng thửa đất số 23, tờ bản đồ số 6, diện tích 91,6m² tọa lạc tại Đường Nguyễn Văn C, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk:

- Công nhận di chúc ngày 06/10/2015 của bà Vũ Thị B1 để lại phần di sản của bà B1 cho ông Vũ Quốc K.

- Ghi nhận sự tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế của bà Vũ Thị Thúy T cho ông Vũ Quốc K đối với phần mà bà T được hưởng trong di sản thừa kế là thửa đất

số 23, tờ bản đồ số 6, diện tích 91,6m² tọa lạc tại Đường Nguyễn Văn C, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Giao cho ông Vũ Quốc K trực tiếp quản lý và sử dụng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích 91,6m² thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại Đường Nguyễn Văn C, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tài sản trên đất gồm có: 01 căn nhà cấp 4 được xây dựng năm 2008, có diện tích 60m² kết cấu móng xây đá hộc tường xây gạch nền lát gạch ceramic, trần đóng tôn lạnh, cửa đi kéo sắt, mái lợp tôn thiếc; 01 căn nhà cấp 3 gồm 2 tầng được xây dựng năm 2016 có diện tích sàn 140m² có kết cấu móng trụ bê tông cốt thép tường xây gạch nền lát gạch ceramic, sàn lợp bê tông cốt thép, mái lợp tôn thiếc. Lô đất có tứ cận: Phía Đông giáp thửa đất số 24; Phía Tây giáp đường hẻm 16 Nguyễn Văn C; Phía Nam giáp thửa đất số 32; Phía Bắc giáp đường Nguyễn Văn C.

- Buộc ông Vũ Quốc K có trách nhiệm thanh toán giá trị phần thừa kế được hưởng lại cho bà Vũ Thị Băng T1, bà Vũ Thị V, ông Vũ Tiến D, bà Vũ Thị Thanh M, Vũ Thị Thu H, mỗi người được hưởng một phần bằng nhau là 750.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.2. Đối với di sản thừa kế là quyền sử dụng lô đất trồng cây ăn quả diện tích tọa lạc tại tổ dân phố 7A (nay là Đường Hà Huy T), phường TL1, thành phố B, theo Quyết định số 469/QĐ-UB ngày 03/7/1997 của Ủy ban nhân dân thành phố B:

Công nhận diện tích đất nông nghiệp tọa lạc tại tổ dân phố 7A (nay là Đường Hà Huy T), phường TL1, thành phố B, theo Quyết định số 469/QĐ-UB ngày 03/7/1997 của UBND thành phố B thuộc quyền sử dụng chung, hợp pháp của các đồng thừa kế gồm: Bà Vũ Thị Băng T1, bà Vũ Thị V, ông Vũ Tiến D, bà Vũ Thị Thanh M, bà Vũ Thị Thu H, ông Vũ Quốc K, bà Vũ Thị Thúy T.

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất được chia nêu trên và thực hiện các nghĩa vụ khi làm thủ tục theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Vũ Quốc K, bà Vũ Thị Thúy T phải chịu mỗi người 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

- Bà Vũ Thị Thúy T phải chịu 37.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần di sản thừa kế được hưởng.

- Ông Vũ Quốc K phải chịu 77.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần di sản thừa kế được hưởng.

- Bà Vũ Thị Thu H phải chịu 37.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần di sản thừa kế được hưởng. Được khấu trừ vào số tiền 675.000 đồng đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số AA/2019/0002436 ngày 16/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

- Các ông bà Vũ Thị Băng T1, bà Vũ Thị V, ông Vũ Tiến D, bà Vũ Thị Thanh M là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về chi phí tố tụng:

Ông Vũ Quốc K, bà Vũ Thị Thúy T, ông Vũ Tiến D, bà Vũ Thị Băng T1, bà Vũ Thị Minh, bà Vũ Thị V, bà Vũ Thị Thu H phải chịu số tiền 6.762.966 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản và chi phí đo đạc bằng máy. Cụ thể:

- Bà Vũ Thị Thúy T, ông Vũ Tiến D, bà Vũ Thị Băng T1, bà Vũ Thị Minh, bà Vũ Thị V, bà Vũ Thị Thu H mỗi người phải chịu số tiền 845.000 đồng tiền chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản.

- Ông Vũ Quốc K phải chịu 1.690.000 đồng tiền chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản.

Trong đó, bà Vũ Thị Thu H đã nộp và chi phí hết. Do đó bà Vũ Thị Thu H được nhận lại số tiền 5.917.966 đồng sau khi thu được của ông Vũ Quốc K, bà Vũ Thị Thúy T, ông Vũ Tiến D, bà Vũ Thị Băng T1, bà Vũ Thị Minh, bà Vũ Thị V.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Vũ Thị Thu H, ông Vũ Quốc K, bà Vũ Thị Thúy T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà H, ông K, bà T số tiền đã nộp tạm ứng ngày 26/9/2022 theo các biên lai thu số AA/2021/0021402 (bà H nộp), AA/2021/0021401 (bà T nộp thay ông K), AA/2021/0021400 (bà T nộp) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS thành phố B;
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đình Triết